

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: THÔNG TIN HỌC
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo: 48 tháng
(Đào tạo theo học chế tín chỉ)

1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã số học phần	Tên HP	Số tín chỉ	Loại giờ TC		Điều kiện tiên quyết
				Giờ LT	Giờ TH/TL	
1	Kiến thức giáo dục đại cương		38			
1.1	Lý luận chính trị					
1.	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	24	06	Không
2.	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	36	09	ĐC001
3.	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	06	ĐC001 ĐC002 ĐC003
4.	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	36	09	ĐC001 ĐC002
5.	ĐC005	Đường lối Văn hóa Văn nghệ của ĐCSVN	2	24	06	ĐC001 ĐC002 ĐC003
1.2	Khoa học xã hội – nhân văn					
6.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	36	09	Không
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương	3	36	09	Không
8.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	06	Không
9.	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3	36	09	Không
10.	ĐC011	Mỹ học đại cương	2	24	06	Không
11.	ĐC013	Lịch sử văn minh thế giới	3	36	09	Không
1.3	Ngoại ngữ					
12.	NN001	Tiếng Anh 1	4	48	12	Không
13.	NN002	Tiếng Anh 2	3	36	09	NN001
1.4	Tin học					
14.	ĐC012	Tin học đại cương	3	15	60	Không
1.5	Giáo dục thể chất		5			
15.	GDTC	Giáo dục thể chất	5			Không
1.6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		8			
16.	GDQP	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8			Không
2	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		88			
2.1	Kiến thức ngành		32			
17.	TTH001	Thư viện học đại cương	2	24	6	Không

18.	TTH002	Thông tin học đại cương	2	24	6	Không
19.	TTH003	Toán học trong hoạt động Thông tin	3	36	9	Không
20.	TTH004	Cơ sở Công nghệ thông tin	3	15	60	Không
21.	TTH005	Lập trình căn bản	3	15	60	ĐC014 TTH003
22.	TTH006	Cơ sở dữ liệu	3	30	30	ĐC014
23.	TTH007	Các phương pháp tối ưu hóa	3	36	9	TTH003
24.	TTH008	Thông kê học	3	36	9	Không
25.	TTH009	Thiết kế Web căn bản	3	15	60	TTH005
26.	TTH010	Lưu trữ học	2	24	6	TTH001 TTH002
27.	QVH018	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	15	30	ĐC007 ĐC014
28.	TTH011	Quản trị văn phòng	3	36	9	ĐC014 QVH018
2.2	Kiến thức chuyên ngành		44			
29.	TTH012	Xây dựng và Phát triển nguồn lực thông tin	2	24	6	TTH001 TTH002
30.	TTH013	Biên mục mô tả	3	15	60	TTH012
31.	TTH014	Phân loại tài liệu	2	10	40	TTH013
32.	TTH015	Tổ chức và bảo quản tài liệu	2	15	30	TTH013
33.	TTH016	Xử lý thông tin	3	15	60	TTH014
34.	TTH017	Tra cứu thông tin	3	15	60	TTH014
35.	TTH018	Tổ chức và quản lý hoạt động Thông tin - Thư viện	2	24	6	TTH017
36.	TTH019	Tự động hóa hoạt động Thông tin – Thư viện	3	36	9	TTH017 TTH022
37.	TTH020	Mạng máy tính và an toàn thông tin	4	45	30	ĐC014
38.	TTH021	Quản trị mạng	3	30	30	TTH020
39.	TTH022	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	36	9	TTH006
40.	TTH023	Công nghệ thông tin và truyền thông	3	15	60	TTH006
41.	TTH024	Người dùng tin	2	24	6	TTH017
42.	TTH025	Hệ thống thông tin quản lý	3	36	9	TTH022
43.	TTH026	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2	24	6	TTH016
44.	TTH027	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	2	24	6	TTH016
45.	TTH028	Sản phẩm và dịch vụ thông tin – Thư viện	2	24	6	TTH017
2.3	Thực tập		12			
46.	TTH029	Thực tập giữa chương trình	4	0	120	TTH013
47.	TTH031	Thực tập tốt nghiệp	8	0	240	TTH030
		Tổng 126 TC (chưa tính GDTC và GDQP)	126			

2. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số	Mã số	Tên HP	Số	Học kỳ	Khoa /
----	-------	--------	----	--------	--------

TT	học phần		tín chỉ	1	2	3	4	5	6	7	8	Bộ môn CN
A	Kiến thức giáo dục đại cương		38									
1.	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	2	2								LLCT
2.	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	3		3							
3.	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						
4.	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3					
5.	ĐC005	Đường lối Văn hóa Văn nghệ của Đảng CSVN	2			2						
6.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		3							KHCB
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương	3		3							
8.	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3	3								
9.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			2						
10.	ĐC010	Mỹ học đại cương	2				2					
11.	ĐC013	Lịch sử văn minh thế giới	3	3								NN
12.	NN001	Tiếng Anh 1	4	4								
13.	NN002	Tiếng Anh 2	3		3							TTH
14.	ĐC012	Tin học đại cương	3	3								
	Giáo dục thể chất		5									
15.	GDTC	Giáo dục thể chất	5									GDTC
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		8									
16.	GDQP	Giáo dục Quốc phòng- An ninh	8									
2	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		88									
2.1	Kiến thức ngành		32									
17.	TTH001	Thư viện học đại cương	2	2								TTH
18.	TTH002	Thông tin học đại cương	2		2							TTH
19.	TTH003	Toán học trong hoạt động Thông tin	3			3						TTH
20.	TTH004	Cơ sở Công nghệ thông tin	3			3						TTH
21.	TTH005	Lập trình căn bản	3					3				TTH
22.	TTH006	Cơ sở dữ liệu	3				3					TTH
23.	TTH007	Các phương pháp tối ưu hóa	3				3					TTH
24.	TTH008	Thông kê học	3		3							TTH
25.	TTH009	Thiết kế Web căn bản	3						3			TTH
26.	TTH010	Lưu trữ học	2					2				TTH
27.	QVH018	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			2						QLVH
28.	TTH011	Quản trị văn phòng	3					3				TTH
2.2	Kiến thức chuyên ngành		44									
29.	TTH012	Xây dựng và Phát triển nguồn lực thông tin	2			2						TTH
30.	TTH013	Biên mục mô tả	3				3					TTH

31.	TTH014	Phân loại tài liệu	2					2				TTH
32.	TTH015	Tổ chức và bảo quản tài liệu	2					2				TTH
33.	TTH016	Xử lý thông tin	3						3			TTH
34.	TTH017	Tra cứu thông tin	3						3			TTH
35.	TTH018	Tổ chức và quản lý hoạt động Thông tin - Thư viện	2							2		TTH
36.	TTH019	Tự động hóa hoạt động Thông tin – Thư viện	3								3	TTH
37.	TTH020	Mạng máy tính và an toàn thông tin	4						4			TTH
38.	TTH021	Quản trị mạng	3							3		TTH
39.	TTH022	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3					3				TTH
40.	TTH023	Công nghệ thông tin và truyền thông	3							3		TTH
41.	TTH024	Người dùng tin	2						2			TTH
42.	TTH025	Hệ thống thông tin quản lý	3								3	TTH
43.	TTH026	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2							2		TTH
44.	TTH027	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	2							2		TTH
45.	TTH028	Sản phẩm và dịch vụ thông tin – Thư viện	2							2		TTH
2.3	Thực tập		12									
46.	TTH029	Thực tập giữa chương trình	4					4				TTH
47.	TTH031	Thực tập tốt nghiệp	8								8	TTH
		Tổng 126 TC (chưa tính GDTC và GDQP)	126	17	17	16	14	19	15	14	14	